



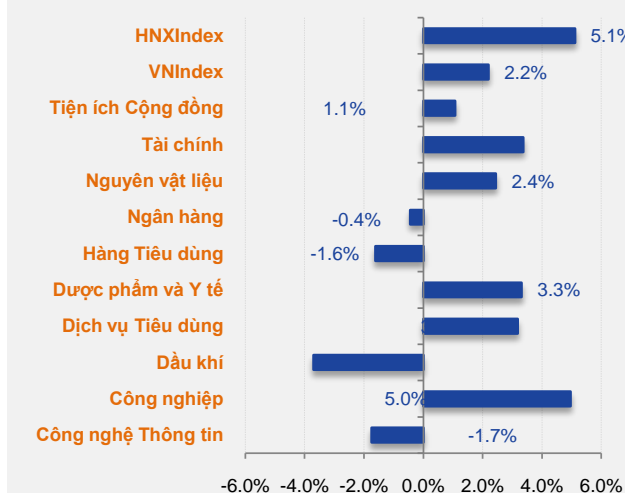
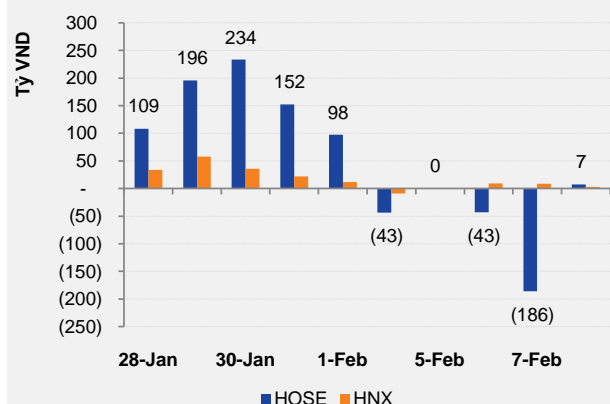
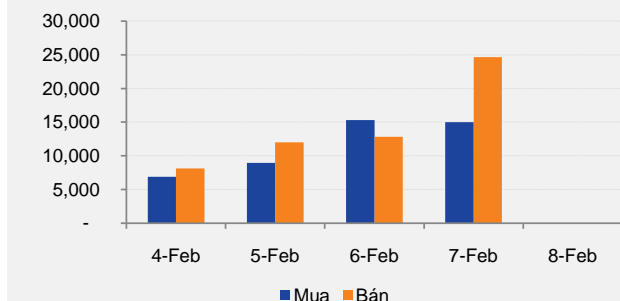
BẢN TIN TUẦN

Tuần GD từ: 04-02-13 - 08-02-13

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	494.0	↑ 2.2%	66.2	↑ 5.1%
KLGD (trCP)	319.2	↑ 113.4%	303.8	↑ 56.2%
GTGD (tỷ VND)	5,382.5	↑ 185.4%	2,482.3	↑ 47.4%
Tổng cung (trCP)	474.2	↑ 53.0%	458.1	↑ 47.4%
Tổng cầu (trCP)	499.7	↑ 68.3%	471.5	↑ 84.4%

Giao dịch NĐT nước ngoài

KL mua (trCP)	27.46	↓ -50.1%	7.51	↓ -60.0%
KL bán (trCP)	29.84	↑ 46.4%	6.26	↑ 69.4%
GT mua (tỷ VND)	805.50	↓ -42.8%	118.81	↓ -41.0%
GT bán (tỷ VND)	1,069.14	↑ 72.5%	105.37	↑ 170.1%

Biến động giá Ngành theo Tuần**Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài****Giá trị giao dịch tự doanh trên HOSE****VƯỢT QUA CÁC MỨC KHÁNG CỰ MẠNH. THỊ TRƯỜNG DỰ BẢO TIẾP TỤC XU HƯỚNG TĂNG ĐIỂM TUẦN TIẾP THEO.****Kinh tế vĩ mô**

- Ban hành thông tư kiểm soát chặt chẽ hơn về giao dịch trên TTCK
- Thị trường tiền tệ ổn định tuần trước Tết Nguyên đán. NHNN tăng bơm vốn qua OMO.
- Dòng tiền tiếp tục đổ mạnh vào các quỹ ETF

Thị trường chứng khoán

- Thị trường tiếp tục tuần tăng điểm trên hai sàn.
- Nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn có dấu hiệu suy yếu sau tuần tăng điểm mạnh trước đó. Nhóm cổ phiếu thị giá thấp thu hút dòng tiền.

Phân tích kỹ thuật

- Thị trường ghi nhận 2 phiên đầu tuần điều chỉnh giảm điểm trên hai sàn sau hơn 1 tháng tăng nóng, khi tiếp cận ngưỡng cản 470 điểm đối với VN-Index; 64.5 điểm đối với HNX-Index.
- Vào giữa tuần, thị trường phục hồi và tăng vượt qua các mốc kháng cự mạnh tại 490 điểm với VNIndex và 64 điểm đối với HNXIndex.

- Tuy nhiên KLGD khi thị trường phục hồi còn ở mức thấp do chịu tác động từ đợt nghỉ Tết kéo dài. Đa phục hồi tập trung chủ yếu ở nhóm cổ phiếu có hệ số beta cao, thuộc nhóm ngành xây dựng, tài chính.

Nhận định: Với diễn biến tích cực khi đã vượt qua các mức kháng cự, thị trường dự báo sẽ tiếp tục tăng điểm vào tuần sau khi nghỉ Tết với thanh khoản cải thiện hơn.

STT

Thông tin cập nhật trong tuần

Quan điểm đánh giá của SHS

1

Ban hành thông tư kiểm soát chặt chẽ hơn về giao dịch trên TTCK

Bộ Tài chính vừa ban hành Thông tư 13 quy định rõ ràng hơn về trách nhiệm giám sát giao dịch chứng khoán và TTCK của UBCKNN, có hiệu lực từ 8/3.

Theo đó, UBCKNN, SGDCK có trách nhiệm rà soát, phát hiện các giao dịch có dấu hiệu thao túng giá, sử dụng thông tin nội bộ, vi phạm quy định về CK và TTCK, yêu cầu các SGDCK, công ty chứng khoán, nhà đầu tư phối hợp làm rõ khi phát hiện vi phạm. Các thông tin báo chí, các tin đồn liên quan đến giao dịch bất thường trên TTCK cũng là đối tượng được xem xét điều tra.

Với quy định mới này, các tin đồn liên quan đến chứng khoán trên các diễn đàn dự kiến sẽ được kiểm soát chặt chẽ hơn.

NHNN bơm ròng khá mạnh trên thị trường mở so với diễn biến trầm lắng trong tháng 1, khi tuần này là tuần cao điểm nhu cầu tiền mặt phục vụ Tết Nguyên đán.

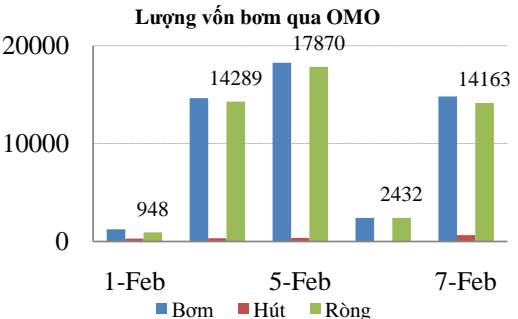
Tính đến ngày 7/2, khối lượng OMO còn lưu thông đạt 51,460 tỷ đồng. Tuy nhiên, mức bơm ròng này vẫn thấp hơn khá nhiều so với thời điểm tết Nguyên đán năm 2012 (tuần từ 16/1-20/1/2012, NHNN bơm ra thị trường hơn 78,800 tỷ đồng).

Với lượng vốn lớn bơm qua OMO, lãi suất liên ngân hàng không có nhiều biến động. Lãi suất kỳ hạn qua đêm tăng nhẹ 0.1%, lên 5.1%, giảm ở kỳ hạn 1 tuần, không đổi ở kỳ hạn 1 tháng.

2

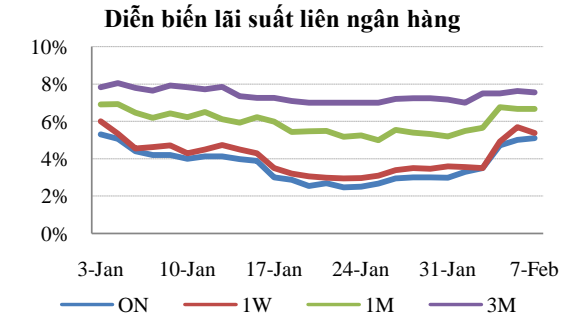
Thị trường tiền tệ ổn định tuần trước Tết Nguyên đán. NHNN tăng bơm vốn qua OMO.

Lượng vốn bơm qua OMO



Ngày	Bơm (tỷ VND)	Hút (tỷ VND)	Ròng (tỷ VND)
1-Feb	948	0	0
5-Feb	14289	0	17870
7-Feb	2432	0	14163

Diễn biến lãi suất liên ngân hàng



Ngày	ON (%)	1W (%)	1M (%)	3M (%)
3-Jan	5.0	6.0	7.0	8.0
10-Jan	4.5	5.5	6.5	7.5
17-Jan	4.0	5.0	6.0	7.0
24-Jan	3.5	4.5	5.5	6.5
31-Jan	3.0	4.0	5.0	6.0
7-Feb	5.1	4.5	5.5	6.5

3

Dòng tiền tiếp tục đổ mạnh vào các quỹ ETF

Quỹ ETF FTSE Vietnam Index sẽ thực hiện tái cơ cấu danh mục trong thời gian từ 1/3-8/3/2013. Thông tin chi tiết về việc thay đổi danh mục sẽ được công bố vào ngày Thứ sáu, 1/3/2013. Hiện chưa có thông tin về thời điểm xem xét lại danh mục của quỹ VNM ETF.

Hiện FTSE đầu tư vào 22 cổ phiếu Bluechips, VNM đầu tư vào 21 cổ phiếu Bluechips trên TTCK Việt Nam. Tại thời điểm 31/12/2012, NAV của FTSE đạt 253,64 triệu USD, của VNM đạt 286.68 triệu USD. Tính đến ngày 7/2/2013, NAV của quỹ FTSE đã đạt 379.6 triệu USD (tăng 49.5%), của VNM đạt 409.7 triệu USD (tăng 42.9% so với đầu năm).

Xu hướng tăng nhanh chóng NAV/cổ phiếu giúp dòng tiền mới đổ vào hai quỹ ETF tiếp tục tăng mạnh.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tiếp tục tăng điểm lên mức 494.03 điểm, tăng 3.41 điểm tương ứng với mức 0.7% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên gần đây.

- Chỉ số VN-Index tiếp cận mức hỗ trợ MA20 và hình thành mô hình đảo chiều Morning Star. Sau khi hình thành mô hình Morning Star thì chỉ số VN-Index đã tăng điểm mạnh break qua mức kháng cự 470 điểm cũng như mức kháng cự của trendline dài hạn hình thành Gap có độ rộng lớn.

- Chỉ báo RSI phân kỳ với chỉ số VN-Index.

- Mức kháng cự trung hạn cho chỉ số VN-Index là khu vực 525 điểm.

Nhận định: Chỉ số VN-Index đã có phiên kiểm định lại sau khi có phiên tăng điểm break qua mức kháng cự 490 điểm tuy nhiên khối lượng giảm so với phiên trước cho thấy thị trường có thể sẽ test lại khu vực này trong phiên đầu tuần tới.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng điểm khá lên mức 66.21 điểm, tăng 1.19 điểm tương ứng với mức 1.83% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước và vẫn ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số HNX-Index tiếp cận về khu vực hỗ trợ mạnh của MA20, trendline trung hạn cũng như mức hỗ trợ của Fibonacci 38.2 hình thành mô hình đảo chiều Morning Star.

- Chỉ báo RSI 9 ngày quay đầu tăng điểm khi tiếp cận đường baseline.

- Chỉ báo RSI phân kỳ với chỉ số HNX-Index.

- Mức kháng cự trung hạn cho chỉ số HNX-Index là khu vực 68 điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp cận khu vực kháng cự mạnh là mức kháng cự hội tụ của đỉnh cũ 63.7 điểm và mức kháng cự của MA200 thì đã sideway quanh mức này trong năm phiên giao dịch và khi tiếp cận gần đến mức hỗ trợ của trendline thì đã break qua mức kháng cự này. Phiên kiểm định lại thành công cùng với khối lượng tiếp tục tăng cho tín hiệu tích cực và khả năng chỉ số HNX-Index sẽ tiếp tục tăng điểm. Mức kháng cự cho chỉ số HNX-Index là khu vực 68 điểm.

**KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ****Khuyến nghị đã đóng**

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá đóng khuyến nghị	Hiệu suất (%)
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64
DRC	04/02/2013	07/02/2013	Mua	33.8	40	32	41.5	22.78

Khuyến nghị đang mở

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Hiệu suất (%)
PGC	06/02/2013		Mua	9.6	14	8.9	10.9	13.54

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

LỘC CỔ PHIẾU

Hiện đang vào mùa KQKD Q4/2012. Tính đến 04/02, có 393 doanh nghiệp đã công bố BCTC Q4, với 83.97% doanh nghiệp báo lãi.

Dòng tiền từ khối NĐTNN cũng là yếu tố hỗ trợ thị trường, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu BlueChips.

Chúng tôi thống kê 10 cổ phiếu có EPS cao nhất, 10 cổ phiếu có tăng trưởng lợi nhuận năm 2012 so 2011 cao nhất, 10 cổ phiếu có tỷ lệ sở hữu của NĐTNN cao nhất để nhà đầu tư tiện tham khảo.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ EPS 2012 CAO NHẤT

Mã CK	LN Q4.2012	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E Ngành	Beta	P/B
HGM	37	-7%	335	21,155	41,833	48.12%	60.02%	#N/A	10.43	-0.12	#N/A
TCT	3	12%	2,268	16,795	52,747	33.22%	35.86%	#N/A	7.56	0.32	#N/A
DPR	0 -		5,035	16,245	47,932	28.68%	35.83%	3.23	4.57	-0.06	1.10
QTC	12	28%	5,535	12,570	37,078	16.80%	36.49%	#N/A	11.06	-0.08	#N/A
CAP	11	19%	4,470	12,005	27,429	20.44%	47.30%	#N/A	10.43	-0.07	#N/A
TRC	119	-33%	3,356	11,613	44,750	23.13%	28.20%	3.88	4.57	0.04	1.01
VCF	152	44%	2,080	11,431	36,007	31.14%	36.12%	17.93	11	0.65	5.69
LHC	9	30%	2,613	11,426	40,856	14.48%	30.29%	#N/A	11.06	0.32	#N/A
SLS	1	#N/A	152	10,330	23,145	26.85%	52.20%	#N/A	10.76	0	#N/A
WCS	5	29%	317	9,960	28,955	26.45%	37.23%	4.41	8.91	0.33	1.52

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN NĂM 2012 CAO NHẤT

Mã CK	LN Q4.2012	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E Ngành	Beta	P/B
DHM	4	2381%	1,058,234	2,615	11,378	15.07%	24.23%		10.21	0.12	1.43
IVS	1	1925%	154,009	131	10,172	1.05%	1.30%	41.86 -		0.79	0.54
SRC	11	1901%	291,821	2,799	15,521	7.58%	19.50%	5.82	4.16	0.53	1.05
HAS	0	835%	2,633	619	19,395	2.30%	3.24%	8.56	10.77	-0.15	0.27
SMT	2	592%	1,914	1,801	12,890	10.48%	15.01%	4.00	7.17	-0.16	0.56
VE2	1	591%	1	668	11,118	3.82%	6.22%	14.37	11	-0.33	0.86
VCV	-21	575%	23	-4,007	5,624	-18.55%	-52.53%	-0.92	9	-0.09	0.66
S91	3	557%	11,585	2,412	15,785	4.82%	16.50%	2.94	10.77	1.15	0.45
CSM	68	547%	1,188,386	4,766	16,521	15.07%	32.02%	6.55	4	0.98	1.89
DTT	-3	424%	1,006	-419	13,492	-2.65%	-3.06%	-14.09	4.42	-0.55	0.44

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU NĐTNN CAO NHẤT

Mã CK	LN Q4.2012	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	Beta	P/B	Room NĐTNN
BBC	18	-43%	84,060	1,653	37,681	3.35%	4.51%	11.55	0.88	0.51	49.00%
BMP	98	21%	39,305	10,231	36,344	27.62%	30.85%	5.28	0.64	1.49	49.00%
CII	0	-	515,183	3,478	12,543	7.38%	30.47%	7	0	2	49.00%
DHG	135	20%	23,498	7,527	25,902	22.47%	31.96%	9.96	0.38	2.90	49.00%
DMC	24	0	4,127	5,080	32,038	10.91%	15.79%	5	0	1	49.00%
EVE	14	-45%	3,775	3,013	26,388	9.60%	11.74%	7.30	-0.57	0.83	49.00%
FPT	0 -		418,770	5,684	22,468	10.65%	26.31%	6.93	1.10	1.75	49.00%
GBS	-11	-185%	162,062	-515	11,230	-1.53%	-4.47%	#N/A	0.80	#N/A	49.00%
HCM	38	27%	166,940	2,453	21,503	8.46%	11.76%	9.05	1.00	1.03	49.00%
IMP	12	-1%	11,580	4,704	43,532	9.19%	10.91%	7.42	0.28	0.80	49.00%

Ghi chú:

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 07/02/2013.



HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PPC	1,510,320	REE	3,431,820
2	STB	919,150	MSN	2,802,470
3	CTG	865,940	PVT	795,500
4	PVF	828,270	TDH	526,840
5	HPG	738,860	PVD	499,480

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCG	1,666,700	SCR	1,018,100
2	PVX	1,489,300	KLS	860,200
3	PVS	815,500	VND	787,200
4	MIC	151,200	PGS	571,400
5	PVC	131,400	AAA	475,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	8.7	9.1	↑ 4.60%	31,602,260
KBC	10.2	10.4	↑ 1.96%	11,908,040
CII	24.2	24.1	↓ -0.41%	10,974,630
SAM	8.1	8.6	↑ 6.17%	9,297,480
LCG	8.4	9.5	↑ 13.10%	7,995,560

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	7.1	8.1	↑ 14.08%	63,247,069
PVX	6.9	7.8	↑ 13.04%	32,672,858
NVB	7.4	7.3	↓ -1.35%	28,405,400
SCR	8.7	9.6	↑ 10.34%	24,433,208
KLS	9.7	10.6	↑ 9.28%	17,719,675

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DRC	32.7	40.2	7.5	↑ 22.94%
TRA	88.0	108.0	20.0	↑ 22.73%
VSG	0.9	1.1	0.2	↑ 22.22%
VNI	5.0	6.1	1.1	↑ 22.00%
PPC	14.1	17.1	3.0	↑ 21.28%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDB	1.8	2.4	0.6	↑ 33.33%
TH1	26.9	35.8	8.9	↑ 33.09%
HAT	19.0	24.9	5.9	↑ 31.05%
HST	6.0	7.7	1.7	↑ 28.33%
LM7	3.8	4.7	0.9	↑ 23.68%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

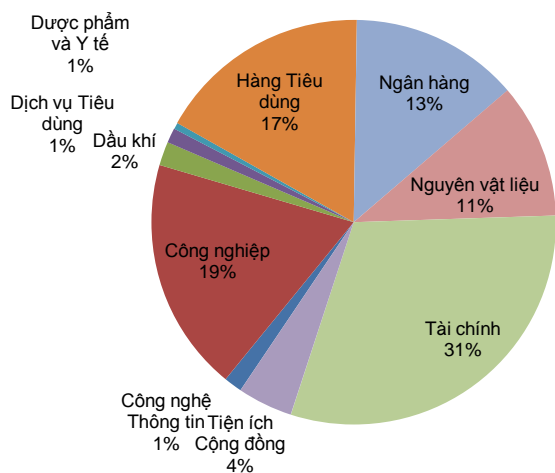
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DDM	1.5	1.3	-0.2	↓ -13.33%
DTT	6.3	5.5	-0.8	↓ -12.70%
TCO	11.2	9.8	-1.4	↓ -12.50%
VNH	4.3	3.8	-0.5	↓ -11.63%
VMD	14.8	13.1	-1.7	↓ -11.49%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SD8	1.7	1.3	-0.4	↓ -23.53%
L14	5.2	4.3	-0.9	↓ -17.31%
VBC	29.0	24.0	-5.0	↓ -17.24%
SPI	21.0	17.7	-3.3	↓ -15.71%
NBP	16.3	14.0	-2.3	↓ -14.11%

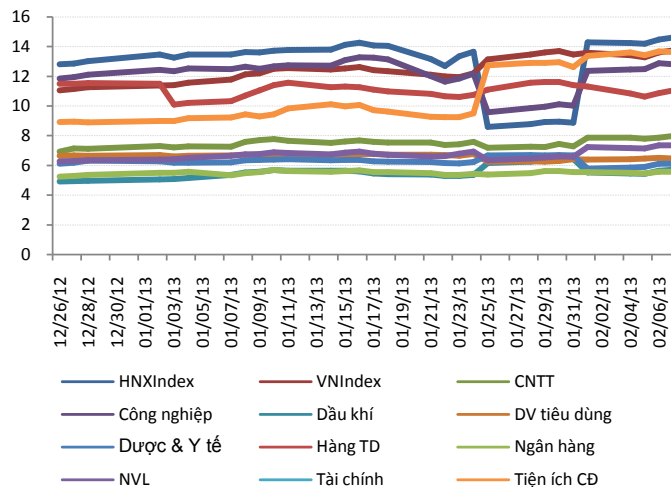
(*) Giá điều chỉnh

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



Chuỗi PE ngành và thị trường



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	31,602,260	1.1%	145	62.1	0.7
KBC	11,908,040	-4.1%	-614	-	0.7
CII	10,974,630	30.5%	3,478	6.9	1.9
SAM	9,297,480	1.6%	288	29.5	0.5
LCG	7,995,560	-0.1%	-21	-	0.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	63,247,069	-16.0%	-2,047	-	0.8
PVX	32,672,858	-9.0%	-1,001	-	0.8
NVB	28,405,400	4.0%	440	16.6	0.7
SCR	24,433,208	1.5%	245	39.7	0.6
KLS	17,719,675	0.9%	107	96.7	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DRC	↑ 22.9%	30.5%	4,516	9.0	2.4
TRA	↑ 22.7%	24.6%	8,329	12.8	3.0
VSG	↑ 22.2%	-1066.1%	-5,309	-	-0.6
VNI	↑ 22.0%	0.1%	7	841.9	0.6
PPC	↑ 21.3%	-6.1%	-630	-	1.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SDB	↑ 33.3%	-49.2%	-4,054	-	0.3
TH1	↑ 33.1%	3.5%	901	36.2	1.3
HAT	↑ 31.1%	17.1%	4,051	5.7	1.0
HST	↑ 28.3%	10.4%	1,097	6.4	0.6
LM7	↑ 23.7%	4.3%	512	8.8	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PPC	1,510,320	-6.1%	-630	-	1.5
STB	919,150	14.2%	2,441	9.2	1.7
CTG	865,940	21.6%	2,491	9.4	1.9
PVF	828,270	5.0%	572	23.4	1.2
HPG	738,860	12.0%	2,299	11.4	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	1,666,700	4.9%	541	24.8	1.2
PVX	1,489,300	-9.0%	-1,001	-	0.8
PVS	815,500	25.2%	4,147	3.7	0.8
MIC	151,200	-8.0%	-1,038	-	1.1
PVC	131,400	18.2%	2,984	4.6	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	87,549	26.0%	4,692	9.8	3.3
VNM	85,020	41.6%	6,981	14.6	5.5
VCB	79,951	10.8%	1,832	18.8	1.9
MSN	79,724	13.4%	3,619	32.1	5.2
VIC	62,647	18.3%	1,791	37.7	4.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	16,503	18.5%	2,603	6.8	1.3
SQC	8,800	12.7%	1,489	53.7	6.4
PVS	6,879	25.2%	4,147	3.7	0.8
SHB	6,823	-16.0%	-2,047	-	0.8
VCG	5,919	4.9%	541	24.8	1.2



LỊCH SỰ KIỆN TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
01-02-13	08-02-13	08-02-13	08-02-13	KDH	Niêm yết thêm
04-02-13	08-02-13	08-02-13	08-02-13	DIG	Niêm yết thêm
08-02-13	08-02-13	08-02-13	08-02-13	UDC	Họp Hội đồng Quản trị
24-01-13	18-02-13	08-02-13	08-02-13	GIL	Niêm yết thêm
05-02-13	18-02-13	08-02-13	08-02-13	FCN	Niêm yết thêm
01-02-13	19-02-13	08-02-13	08-02-13	NST	Niêm yết thêm
20-11-12	20-02-13	19-10-12	17-10-12	KSA	Thay đổi về : Trả cổ tức bằng tiền mặt
31-01-13	20-02-13	20-02-13	18-02-13	PGD	Đại hội Đồng Cổ đông
03-10-12	20-02-13	19-10-12	17-10-12	KSA	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15-01-13	21-02-13	17-01-13	15-01-13	SAP	Thay đổi về : Đại hội đồng cổ đông
08-01-13	21-02-13	17-01-13	15-01-13	PVS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
08-01-13	21-02-13	17-01-13	15-01-13	SAP	Đại hội Đồng Cổ đông
05-02-13	21-02-13	08-02-13	08-02-13	MPC	Giao dịch cổ phiếu quỹ
17-01-13	22-02-13	29-01-13	25-01-13	SCD	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23-01-13	22-02-13	04-02-13	31-01-13	SMC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24-12-12	23-02-13	11-01-13	09-01-13	VTS	Đại hội Đồng Cổ đông
14-01-13	25-02-13	25-01-13	23-01-13	SGD	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25-01-13	25-02-13	05-02-13	01-02-13	STB	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
17-01-13	26-02-13	08-02-13	08-02-13	CTG	Đại hội Cổ đông Bất thường
22-01-13	26-02-13	08-02-13	08-02-13	CTG	Đại hội Cổ đông Bất thường
20-12-12	28-02-13	28-12-12	26-12-12	SEL	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16-01-13	28-02-13	08-02-13	08-02-13	HBC	Đại hội Cổ đông Bất thường
24-01-13	28-02-13	05-02-13	01-02-13	FMC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
02-01-13	28-02-13	08-02-13	08-02-13	SII	Đại hội Cổ đông Bất thường
01-02-13	28-02-13	08-02-13	08-02-13	TLT	Tạm dừng Niêm yết
25-12-12	28-02-13	10-01-13	08-01-13	AAA	Đại hội Đồng Cổ đông
09-01-13	28-02-13	21-01-13	17-01-13	PVR	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
18-01-13	28-02-13	30-01-13	28-01-13	VID	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
25-01-13	01-03-13	05-02-13	01-02-13	ONE	Trả cổ tức bằng tiền mặt
31-01-13	01-03-13	01-03-13	27-02-13	KDC	Đại hội Đồng Cổ đông



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội
nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P.
Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)